TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07/3/2023
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Hoa

Bà Phạm Thanh Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về "ly hôn, tranh chấp nuôi con chung".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Đặng Thị Mỹ T** , sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Anh **Trần Văn L**, sinh năm 1981

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Đặng Thị Mỹ T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn L tự tìm hiểu nhau, sau đó tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện từ năm 2001 nhưng đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Vợ chồng sống hạnh phúc với nhau

đến tháng 4/2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L thay đổi tính tình, vợ chồng không hòa hợp nhau về suy nghĩ, tính cách, thường hay cãi nhau, anh L bỏ nhà đi sống chung với người phụ nữ khác. Gia đình hai bên khuyên nhủ nhưng cũng không được, chị cho anh L cơ hội hàn gắn nhưng anh L không về sống với chị mà tiếp tục sống chung với người phụ nữ khác. Chị và anh L không thể cùng nhau xây dựng gia đình và đã ly thân từ năm 2018, cũng không còn quan tâm gì với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh L để mỗi người có cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị và anh L có 02 người con chung là Trần Triệu P, sinh ngày 12/10/2002 đã thành niên, tự lao động sinh sống và Trần Triệu K, sinh ngày 27/5/2007 hiện nay đang sống chung với chị, có nguyện vọng sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Trần Triệu K, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định chị và anh L không phát sinh tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Bị đơn anh Trần Văn L vắng mặt, không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, riêng bị đơn anh L vắng mặt tại phiên họp và phiên tòa lần thứ 2 mà không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T , chị T được tiếp tục nuôi dưỡng Trần Triệu K. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh L vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng anh L vắng mặt lần thứ hai không có lý do là chưa chấp hành đúng

quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh L .

[2] Về quan hệ hôn nhân, chị T và anh L chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2012 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Nguyên nhân dẫn đến ly hôn, chị T cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không hòa hợp nhau về suy nghĩ, tính cách, thường hay cãi nhau. Anh L thay đổi tính tình, bỏ nhà đi sống chung với người phụ nữ khác. Gia đình hai bên khuyên nhủ nhưng cũng không được, chị và anh L không thể cùng nhau xây dựng gia đình và đã ly thân từ năm 2018 đến nay, không còn quan tâm gì với nhau. Còn anh L vắng mặt, không có ý kiến, không tham gia các phiên họp và phiên tòa sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình chung sống với nhau chị T và anh L có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, nhưng không khắc phục được.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L không đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng, Hội đồng xét xử có căn cứ để cho rằng hôn nhân giữa anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, anh chị đã sống ly thân thời gian dài nhưng không khắc phục được mâu thuẫn để vợ chồng tiếp tục chung sống nên không có khả năng đoàn tụ. Do đó, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh L .

[4] Về con chung, chị T và anh L có 02 người con chung là Trần Triệu P, sinh ngày 12/10/2002 đã thành niên, tự lao động sinh sống và Trần Triệu K, sinh ngày 27/5/2007 hiện nay đang sống chung với chị T , có nguyện vọng sống chung với chị T . Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Trần Triệu K. Xét thấy, chị T có đủ điều kiện nuôi con, đồng thời cũng phù hợp với lợi ích, nguyện vọng của con nên Hội đồng xét xử chấp nhận để chị T được tiếp

tục nuôi dưỡng Trần Triệu K. Anh L có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở. Trường hợp chị T vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì anh L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng, không ai yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung, chị T xác định chị và anh L không phát sinh tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí, nguyên đơn chị T phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Đặng Thị Mỹ T được ly hôn với anh Trần Văn L .

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Triệu K, sinh ngày 27/5/2007 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh L có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở. Trường hợp chị T vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì anh L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng, không ai yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không phát sinh tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí xin ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0000957 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Văn Bảnh